

Số: 93/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học
ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-KĐCL ngày 06/8/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXIX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-KĐCL ngày 06/8/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXIX;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;


Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXIX ngày 29/8/2024 của Hội đồng.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 46 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Hàng hải Việt Nam và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. 

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Toàn

10/1
C/A

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

(Kèm theo Nghị quyết số: 93/NQ-HĐKĐCL ngày 30 tháng 8 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 1.1	4	4.00	3	100%	Tiêu chí 7.1	4	4.00	5	100%
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2				Tiêu chí 7.4	4				
Tiêu chí 2.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4	4.20	5	100%
Tiêu chuẩn 3				Tiêu chí 8.2	4				
Tiêu chí 3.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4							Tiêu chuẩn 9		
Tiêu chí 4.1	4	4.00	3	100%	Tiêu chí 9.1	5	4.20	5	100%
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5				Tiêu chí 9.4	4				
Tiêu chí 5.1	4	4.00	4	80%	Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4	4.00	6	100%
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	5				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6				Tiêu chí 10.4	4				
Tiêu chí 6.1	5	4.00	6	85.71%	Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	3				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4	4.00	5	100%
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt				
		46			92%				

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

*(Kèm theo Nghị quyết số: 93/NQ-HĐKĐCL ngày 30 tháng 8 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin (CTĐT) của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019-2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học hướng đến thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường. Chuẩn đầu ra của CTĐT bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt, được ban hành, công khai đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần có các thông tin cơ bản về CTĐT được rà soát, cập nhật và được công bố công khai. Chương trình dạy học được thiết kế tiếp cận chuẩn đầu ra của CTĐT, có cấu trúc và trình tự logic, hợp lý được rà soát, tham khảo ý kiến của một số bên liên quan để cập nhật. Triết lý giáo dục của Nhà trường được xác định và ban hành chính thức, được chuyển tải vào CTĐT và phổ biến đến các bên liên quan; hoạt động dạy và học tương đối đa dạng. Hoạt động kiểm tra đánh giá và xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi học phần được quy định, hướng dẫn; các phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế đa dạng để đánh giá kết quả học tập của người học; quy định về phản hồi kết quả học tập và quy trình khiếu nại được ban hành, người học dễ dàng tiếp cận để thực hiện. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao được chú trọng; đội ngũ giảng viên và nhân viên hỗ trợ được quy hoạch, phát triển; đội ngũ giảng viên cơ hữu thực hiện CTĐT và Khoa phụ trách có trình độ và năng lực chuyên môn đáp ứng tốt yêu cầu CTĐT; đội ngũ nhân viên của Trường, của Khoa đáp ứng cả về số lượng và trình độ chuyên môn nghiệp vụ; đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ được quan tâm thực hiện. Hoạt động tư vấn học tập, tư vấn hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm, hỗ trợ các hoạt động ngoại khóa của người học được triển khai khá hiệu quả. Cảnh quan sạch đẹp tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa. Hệ thống cơ sở vật chất, các dịch vụ, tiện ích được chú trọng đầu tư phát triển; hệ thống giảng đường và các phòng chức năng với trang thiết bị phù hợp đáp ứng tốt CTĐT. Hệ thống khảo sát, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được triển khai và vận hành đã góp phần cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT. Tỷ lệ sinh viên thôi học và tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, kết quả việc làm và nghiên cứu khoa học của người học được xác lập, giám sát để cải tiến; việc lấy ý kiến của một số bên liên quan về CTĐT và năng lực người học tốt nghiệp của CTĐT được xác lập và giám sát đánh giá.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:



1. Rà soát mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT để chuyển tải rõ hơn và chuẩn xác mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của đào tạo trình độ đại học quy định trong Luật Giáo dục đại học thông qua các chỉ số thực hiện kết nối với đóng góp các học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT. Đánh giá toàn diện nhu cầu thị trường lao động trong lĩnh vực công nghệ thông tin làm cơ sở điều chỉnh mục tiêu đào tạo phù hợp, đáp ứng chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương và cả nước. Rà soát, chỉnh sửa chuẩn đầu ra của CTĐT để đảm bảo tương thích đầy đủ với các năng lực trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Mở rộng đối tượng và tăng số lượng lấy ý kiến để rà soát, chỉnh sửa CTĐT.

2. Bổ sung thông tin và hoàn thiện đề cương chi tiết các học phần; căn cứ vào điều chỉnh chuẩn đầu ra và ý kiến phản hồi từ các bên có liên quan để điều chỉnh đề cương các môn học cho phù hợp; xây dựng đề cương chi tiết cho đồ án tốt nghiệp; chi rõ tên học phần thay thế đồ án tốt nghiệp và rà soát, bổ sung đóng góp của học phần thay thế đồ án tốt nghiệp cho chuẩn đầu ra của CTĐT. Nghiên cứu hoàn thiện bản mô tả CTĐT: thể hiện khoa học hơn các thông tin để các bên liên quan dễ nắm bắt; tăng hiệu quả truyền thông về CTĐT. Rà soát, công bố thông tin Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trên website để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu về CTĐT.

3. Phân tích chi tiết mức độ đóng góp của từng học phần vào từng chuẩn đầu ra của CTĐT làm cơ sở thiết kế học phần và lựa chọn nội dung phù hợp hướng tới đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; thiết kế các hoạt động dạy-học và kiểm tra đánh giá dựa trên các kết quả phân tích, đánh giá của các bên liên quan để đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần và góp phần đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.

4. Xây dựng quy định và có các hướng dẫn cụ thể để chuyển tải triết lý giáo dục vào CTĐT và các hoạt động dạy, học; tăng cường tập huấn cho giảng viên về các phương pháp dạy học tiên tiến đáp ứng yêu cầu dạy và học phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; có hướng dẫn cách học, phương pháp tự học và nghiên cứu khoa học, đồng thời tăng cường các hoạt động trải nghiệm giúp người học cải thiện năng lực học tập suốt đời. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin, khai thác hệ thống LMS để đa dạng hóa hoạt động dạy và học hướng đến chuẩn đầu ra. Định kỳ đánh giá hiệu quả của đổi mới phương pháp dạy học một cách bài bản hơn để có căn cứ cải tiến hoạt động dạy-học.

5. Triển khai cụ thể việc đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy định; đa dạng hóa các hình thức đánh giá kết quả học tập của người học; rà soát quy định và hướng dẫn xây dựng ngân hàng câu hỏi thi để đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần; quy định việc phân tích kết quả thi để có căn cứ điều chỉnh đảm bảo đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, của CTĐT. Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi đủ lớn, bao phủ nội dung đề cương học phần; tăng cường quản lý, giám sát công tác chấm thi, đánh giá giữa kỳ, hậu kiểm, nhập và quản lý kết quả kiểm tra đánh giá và có biện pháp đánh giá độ tin cậy của đề thi làm cơ sở cho các cải tiến, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng.

6. Sớm ban hành chính sách, cơ chế đặc thù để giữ chân và phát triển giảng viên đầu ngành cho CTĐT; đổi mới quản trị đội ngũ giảng viên theo tiếp cận năng lực: cụ thể hóa yêu cầu và mức năng lực theo từng vị trí giảng viên để đánh giá và đào tạo nâng cao năng lực; hoàn thiện công cụ, phương thức, bộ chỉ số KPIs để đánh giá giảng viên có ghi nhận hiệu quả đóng góp gắn với đãi ngộ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Có hướng dẫn cụ thể về nhiệm vụ của giảng

viên trong hoạt động phục vụ cộng đồng; quan tâm điều phối khối lượng giảng dạy của giảng viên hợp lý để tránh quá tải. Hoàn thiện đồng bộ chính sách, cơ chế đột phá để: xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh; khuyến khích thúc đẩy hợp tác nghiên cứu liên ngành và ứng dụng, chuyển giao để phát huy được tiềm năng nghiên cứu khoa học của giảng viên.

7. Quan tâm nhiều hơn đến việc quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực cán bộ hỗ trợ với các mục tiêu, giải pháp, chính sách trong: tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu cụ thể vị trí việc làm; xây dựng kế hoạch dựa trên kết quả phân tích, dự báo nhu cầu về cả số lượng và năng lực cần có để đáp ứng yêu cầu giáo dục 4.0 về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Rà soát, hoàn chỉnh các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ; thực hiện quản trị, đánh giá và đãi ngộ theo kết quả để tạo động lực cho nhân viên, người lao động.

8. Tiếp tục cải tiến để nâng cao chất lượng tuyển sinh thông qua: xây dựng các chính sách đặc biệt để thu hút thí sinh giỏi vào học; điều tra, phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động; phân tích chi tiết dữ liệu kết quả tuyển sinh để có những điều chỉnh về chính sách, tiêu chí và phương thức tuyển chọn. Tăng cường vai trò cố vấn học tập; tăng hiệu quả giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học; tăng cường hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học trong học tập và tìm kiếm việc làm; có giải pháp tư vấn hỗ trợ để tiếp tục giảm tỉ lệ người học bị cảnh báo học tập, tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn. Xem xét có đơn vị đầu mối quản lý và tổ chức thực hiện công tác tư vấn tâm lý học đường và công tác hỗ trợ người học trong hoạt động khởi nghiệp, sáng tạo.

9. Xây dựng, ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích chuyên dùng và định mức sử dụng thiết bị để hỗ trợ công tác quản lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất dùng chung; nâng cấp thư viện thông qua việc ứng dụng đồng bộ các giải pháp công nghệ mới trong quản lý vận hành, khai thác và phát triển thư viện số; chú trọng đầu tư liên kết thư viện số và cơ sở dữ liệu điện tử quốc tế; có biện pháp thúc đẩy giảng viên viết giáo trình, phát triển tài liệu nội sinh và bài giảng điện tử để khai thác hiệu quả trong dạy và học. Tiếp tục cải tiến, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và các phần mềm quản lý đào tạo, dạy học trực tuyến; tăng cường tính đồng bộ, liên thông các phần mềm. Có lộ trình xúc tiến nhanh kế hoạch chuyển đổi số để đạt được tầm nhìn trở thành trường đại học thông minh và đổi mới sáng tạo. Tiếp tục tăng cường công tác đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, thoát nạn và an ninh, an toàn trường học.

10. Tiếp tục tăng cường năng lực cho cán bộ, giảng viên về phát triển và thực hiện CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra; thường xuyên thu thập đầy đủ nhu cầu của các bên liên quan, tham khảo các CTĐT tiên tiến, tham chiếu các căn cứ pháp lý và các định hướng kỹ năng cần thiết đối với yêu cầu vị trí việc làm tương lai của người học để tiếp tục rà soát, cập nhật CTĐT. Cải tiến việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá và chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích; tiếp tục chuẩn hoá các công cụ khảo sát và triển khai đánh giá tác động, ảnh hưởng của CTĐT, của cựu người học để hoàn thiện chu trình cải tiến chất lượng liên tục đối với CTĐT.

11. Triển khai các giải pháp khắc phục các tồn tại, đặc biệt quan tâm các giải pháp giảm tỷ lệ thôi học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn; tăng cường các hỗ trợ người học trong nghiên cứu khoa học, tự tạo việc làm, phát triển nghề nghiệp và tăng mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với người học tốt nghiệp. Nghiên cứu điều chỉnh CTĐT phù hợp với thay đổi nhu cầu; xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp, liên thông và các phần mềm đồng bộ để theo dõi, cập nhật và truy xuất, xử lý các thông tin về CTĐT theo yêu cầu quản lý. Liên kết, hợp tác hiệu quả, sâu rộng

Thu

với các bên liên quan, đặc biệt là các đơn vị sử dụng lao động, sử dụng sản phẩm nghiên cứu khoa học và áp dụng quản trị đại học tiên tiến để xây dựng, thực hiện, cải tiến và nâng cao chất lượng, kết quả CTĐT đáp ứng tốt hơn nhu cầu, yêu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. 